

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 629/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Phương T** - Sinh năm 1984

ĐKKHKT: SN148, đường N, tổ 4A, khu 19, P.C, Tp.T, tỉnh P

Bị đơn: Anh **Bùi Xuân T** - Sinh năm 1982

ĐKKHKT: SN148, đường N, tổ 4A, khu 19, P.C, Tp.T, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Phương T và anh Bùi Xuân T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Trần Phương T và anh Bùi Xuân T đều xác nhận có 02 con chung tên là Bùi Phương H – sinh ngày 13/3/2009 và Bùi Đức H - sinh ngày 23/9/2013. Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Bùi Đức H - sinh ngày 23/9/2013, anh T được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Bùi Phương H – sinh ngày 13/3/2009. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Trần Phương T và anh Bùi Xuân T tự thỏa

thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp: Chị Trần Phương T và anh Bùi Xuân T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Phương T tự nguyện xin chịu 150.000^d (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2018/0002911 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Hoàn trả cho chị T 150.000^d (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP, Tỉnh;
- UBND P.C;
- Chi cục THA TP;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Dương Thị Kim D

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).